

**THÔNG BÁO**

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của  
các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố tỉnh Nam Định**

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá công tác cải cách hành chính (CCHC) của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 578/TTr-SNV ngày 28/5/2019, UBND tỉnh thông báo kết quả Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố Nam Định, như sau:

**I. Tình hình triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2018**

- Chỉ số CCHC của tỉnh là công cụ quản lý chính xác, khách quan, công bằng và hiệu quả để đánh giá kết quả CCHC, là cơ sở để Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của đơn vị mình, qua đó đề ra các giải pháp hữu hiệu nhằm đẩy mạnh công tác CCHC từ việc xây dựng, triển khai đến tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC.

- Thực hiện việc xác định Chỉ số CCHC theo Quyết định 850/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện thống nhất, có nề nếp việc tự đánh giá, chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng, báo cáo kết quả về UBND tỉnh để làm cơ sở cho kiểm tra công tác CCHC năm 2019 và thẩm định Chỉ số CCHC năm 2018.

- Tháng 02/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2019, thành phần gồm Lãnh đạo cơ quan và Lãnh đạo phòng của Văn phòng UBND tỉnh và các sở: Nội vụ, Kế hoạch và ĐT, Tư pháp, Thông tin và TT, Khoa học và CN và sở Tài chính để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra công tác CCHC năm 2019 và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị của tỉnh năm 2018.

- Trong tháng 3/2019, các Đoàn đã kiểm tra công tác CCHC tại 12/12 đơn vị là: Khối huyện gồm: Vụ Bản, Mỹ Lộc, Xuân Trường, TP Nam Định; Khối sở ngành gồm: Nông nghiệp và PTNT, Lao động – TBXH, Xây dựng, Khoa học và CN, Thông tin và TT, Tài chính, Tư pháp, Thanh tra tỉnh.

- Công tác thẩm định được tiến hành như sau:

+ Theo các tiêu chí và tiêu chí thành phần đã được phân công, các thành viên của tổ thẩm định tiến hành nghiên cứu tài liệu kiểm chứng và các tài liệu liên quan khác để chấm điểm cho từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo đúng hướng dẫn số 135/HD-SNV ngày 29/01/2019.

+ Sau khi các thành viên hoàn thành việc thẩm định, chấm điểm, toàn tổ thẩm định họp, nghe báo cáo của từng thành viên để cùng nhau thảo luận, thống nhất những điểm chưa rõ, những nội dung cụ thể phát sinh trên thực tế có thể hiểu theo nhiều hướng khác nhau ... Trên cơ sở đó, thống nhất cách thẩm định, chấm điểm cho tất cả các đơn vị.

+ Tổ nhập điểm tiến hành nhập điểm. Trong quá trình nhập điểm luôn có sự kiểm tra của các thành viên trong tổ và thành viên trực tiếp chấm. Kết quả nhập điểm được chuyển cho đồng chí Thư ký của Hội đồng thẩm định để tổng hợp theo các tiêu chí yêu cầu:

Đối tượng xác định Chỉ số CCHC: Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước, gồm 27 đơn vị, được xếp hạng theo 2 khối là khối các sở, ban, ngành (sau đây viết tắt là khối sở) gồm 17 cơ quan và khối các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là khối huyện) gồm 10 đơn vị.

Cơ sở thẩm định là Bộ Chỉ số CCHC ban hành theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh, Hướng dẫn số 135/HD-SNV ngày 29/01/2019 của Sở Nội vụ, kết quả kiểm tra công tác CCHC năm 2019, kết quả kiểm tra chuyên ngành năm 2018 và báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của 17 sở, ban, ngành và 10 huyện, thành phố.

Năm 2018, đã thực hiện 2 cuộc điều tra hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của tỉnh Nam Định, do vậy không thực hiện việc điều tra xã hội học để đánh giá Chỉ số CCHC cho năm 2018. Tổng số điểm tối đa để xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của các cơ quan, đơn vị là 70 điểm, riêng Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính là cơ quan không có đơn vị sự nghiệp, do vậy điểm tối đa để xác định chỉ số CCHC của 2 đơn vị là 65,75 điểm. Thanh tra tỉnh: Không có đơn vị sự nghiệp, Không có TTHC liên thông do vậy điểm tối đa để xác định chỉ số CCHC của đơn vị là 63,75 điểm.

## **II. Kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2018**

### **1. Chỉ số tổng hợp:** Chi tiết tại biểu số 1 và biểu số 2.

1.1. Chỉ số CCHC năm 2018 đã phản ánh khá toàn diện kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2018 của các đơn vị. Các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá, chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng và báo cáo UBND tỉnh; song việc tự đánh giá, chấm điểm còn chưa sát với kết quả thực hiện, chưa bám sát Hướng dẫn số 135/HD-SNV của Sở Nội vụ.

Kết quả tự đánh giá, chấm điểm trung bình năm 2018 của khối sở là 64,60 điểm, Hội đồng thẩm định là 55,91 điểm; của khối huyện là 63,22 điểm, Hội đồng thẩm định là 54,05 điểm. Có 4 đơn vị thực hiện, báo cáo khá sát kết quả thực hiện của công tác CCHC và có độ sai lệch không quá 5/70 điểm so với điểm của Hội đồng thẩm định, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh, và 2 huyện là: Trực Ninh, Ý Yên. Các đơn vị báo cáo không sát kết quả thực hiện CCHC có độ sai lệch lớn so với điểm của Hội đồng thẩm định, gồm: Sở Khoa học công nghệ, sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương, sở Lao động - TBXH và các huyện: Vụ Bản, Mỹ Lộc, TP Nam Định.

Năm 2018, giá trị trung bình chỉ số CCHC của khối sở đạt 80,90% (giảm 6,21% so với năm 2017), giá trị trung bình chỉ số CCHC của khối huyện đạt 77,22% (giảm 5,57% so với năm 2017). Khối sở cao hơn khối huyện 3,68%.

Có 100% cơ quan có Chỉ số CCHC cao hơn 70%; khối sở có 10/17 cơ quan có Chỉ số CCHC cao hơn 80%; khối huyện có 4/10 huyện có Chỉ số CCHC cao hơn 80%. Điển hình thực hiện tốt công tác CCHC năm 2018 là 1 đơn vị có Chỉ số CCHC cao hơn 90%, đó là sở: Kế hoạch và Đầu tư (90,49%).

Năm 2018, áp dụng theo Bộ Chỉ số CCHC mới đã được chỉnh sửa, bổ sung và có sự thay đổi, chỉnh sửa về cơ cấu điểm cho từng lĩnh vực cho phù hợp tình hình thực tiễn của các khối, do vậy khi so sánh với năm 2017 chỉ so sánh theo % Chỉ số CCHC của từng lĩnh vực và không so sánh theo số điểm đạt được của từng lĩnh vực.

Điểm chung của cả 2 khối là đều tăng ở lĩnh vực 1 về công tác chỉ đạo điều hành (khối huyện tăng 5,94%, khối sở tăng 3,81%) và giảm nhiều nhất là lĩnh vực 4 và 5 (cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước và Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB,CC,VC).

Khối sở có chỉ số trung bình của 3 lĩnh vực tăng là: Lĩnh vực 1 về công tác chỉ đạo điều hành đạt 93,22% (tăng 3,81%); Lĩnh vực 2 về XD và tổ chức thực hiện VB QPPL đạt 97,06% (tăng 5,88%); Lĩnh vực 7 về hiện đại hóa nền hành chính đạt 70,73% (tăng 4,56%). Có 4 lĩnh vực có chỉ số trung bình giảm và giảm nhiều nhất là Lĩnh vực 4 về cải cách tổ chức bộ máy nhà nước đạt 84,65% (giảm 11,89%), Lĩnh vực 8 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đạt 56,92% (giảm 11,25%).

Khối huyện có chỉ số trung bình của 2 lĩnh vực tăng, tăng cao nhất là Lĩnh vực 7 về hiện đại hóa nền hành chính đạt 61,88% (tăng 14,88%), có 5 lĩnh vực có chỉ số trung bình giảm và giảm nhiều nhất là lĩnh vực 2 về XD và tổ chức thực hiện VB QPPL đạt 69,36% (giảm 23,71%).

1.2. Căn cứ kết quả xác định Chỉ số CCHC của 17 sở, ban, ngành và 10 huyện, thành phố năm 2018, xếp thành 3 nhóm đơn vị, tương ứng với từng mức độ đạt Chỉ số CCHC năm, cụ thể như sau:

a) Nhóm I: Có Chỉ số CCHC đạt từ 90% trở lên có 1 đơn vị là Sở Kế hoạch và Đầu tư: giảm 4 đơn vị so với năm 2017.

b) Nhóm II: Có Chỉ số CCHC đạt từ 80% đến dưới 90% có 13 đơn vị: Khối sở có 9 đơn vị (giảm 3 đơn vị so với năm 2017), khối huyện có 4 đơn vị:

- Khối sở có 9 đơn vị là các sở: Văn hóa –TTDL, Thông tin- Truyền thông, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Thanh tra tỉnh, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp, BQL các khu công nghiệp.

- Khối huyện có 4 đơn vị: Huyện Trục Ninh, Xuân Trường, Ý Yên, Nghĩa Hưng.

c) Nhóm III: Các đơn vị còn lại ( 7 sở và 6 huyện) có Chỉ số CCHC đạt từ 70% đến dưới 80%.

So với năm 2017, việc phân định rõ và lượng hóa bằng điểm của các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số CCHC, theo kết quả đạt được đã phân định rõ nét hơn, có sự thay đổi về xếp thứ hạng và nhóm, số đơn vị thuộc nhóm I, II giảm, số đơn vị thuộc nhóm III tăng đặc biệt không có đơn vị có Chỉ số CCHC đạt dưới 70%.

## **2. Chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực:** Chi tiết tại biểu 3 và biểu 4.

### **2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC:**

Công tác chỉ đạo, điều hành thể hiện sự quan tâm, là trách nhiệm của Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, là nhân tố quyết định kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của công tác CCHC; là tác nhân ảnh hưởng lớn đến quá trình từ nhận thức đến hành động, thể hiện qua việc xây dựng, triển khai và tổ chức thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở 6 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần (TCTP), tổng điểm tối đa đối với khối sở là 13,50 điểm và đối với khối huyện là 12,50 điểm (Kế hoạch CCHC, báo cáo CCHC, kiểm tra CCHC, tuyên truyền CCHC, sự năng động trong chỉ đạo, điều hành). Kết quả đạt được năm 2018 của cả 2 khối đều tăng, khối sở đạt 12,56 điểm tăng 3,81% và khối huyện đạt 11,23 điểm tăng 5,94%.

### **2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

Đánh giá lĩnh vực 2 dựa trên cơ sở 2 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần, tổng điểm tối đa của khối huyện là 5,50 điểm, khối sở là 3,0 điểm về: Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), kiểm tra, tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị đã triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời và đúng quy định các văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh ban hành. Kết quả là: Khối sở có 16/17 sở đạt điểm tối đa. Riêng Sở Y tế, việc Báo cáo kết quả rà soát và tài liệu kiểm chứng kèm theo chưa đúng nên bị trừ 1,5 điểm. Khối huyện có 4/10 đơn vị đạt tối đa. Riêng huyện Hải Hậu đạt 1,25 điểm/ 5,50 điểm vì: *Không xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác xây dựng VB QPPL, tài liệu kiểm chứng chưa đúng, Báo cáo rà soát, hệ thống hóa VB QPPL chưa thể hiện việc rà soát...*

Việc ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị. Đa số các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch riêng năm 2018, tuy nhiên còn có đơn vị xây dựng lồng ghép trong Kế hoạch CCHC hoặc kế hoạch khác dẫn đến nội dung chưa đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra và khi tổ chức thực hiện các văn bản QPPL tại đơn vị còn mang tính thụ động.

### **2.3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):**

Đánh giá cải cách TTHC dựa trên cơ sở 3 tiêu chí và 9 TCTP, tổng điểm tối đa đối với khối sở là 8,50 điểm và đối với khối huyện là 9 điểm về: Rà soát,

đánh giá, cập nhật, công khai TTHC và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

Kết quả điểm khởi sở đạt bình quân là 8,32 điểm, khối huyện đạt bình quân là 7,9 điểm (giảm 2,71% so với năm 2017); Chỉ số trung bình của khối sở đạt 94,9%, (giảm 7,32%). Chỉ số trung bình của lĩnh vực cải cách TTHC của cả 2 khối đều giảm so với năm 2017, lý do chủ yếu là Báo cáo việc rà soát TTHC của các đơn vị chưa có hoặc nộp không đúng thời gian quy định. Điển hình là các đơn vị: Khoa học và Công nghệ, Công thương, Nội vụ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động –TBXH, Ban QL CKCN, huyện Nghĩa Hưng.

Việc cập nhật, niêm yết, công khai TTHC, đường dây nóng của các cấp, địa chỉ Email, phí và lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị tương đối rõ ràng, khá đầy đủ đã tạo điều kiện thuận tiện để người dân, tổ chức dễ tra cứu, tìm hiểu, nghiên cứu khi có nhu cầu giải quyết TTHC và thuận tiện cho việc liên hệ khi có vướng mắc, khó khăn trong giải quyết TTHC.

Việc niêm yết, công khai TTHC tại đơn vị, chủ yếu ở các xã, phường, TT vẫn còn những tồn tại, tuy đã được các Đoàn kiểm tra CCHC của tỉnh nhắc nhở khi kiểm tra các năm trước, nay vẫn tồn tại, cần phải khắc phục ngay, cụ thể: Về số lượng TTHC niêm yết vừa thiếu, vừa thừa; đa số các đơn vị ở cấp xã niêm yết thiếu về số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, vẫn còn niêm yết TTHC đã hết hiệu lực, song các TTHC mới, bổ sung thì chưa được niêm yết. Việc công khai đường dây nóng chưa đúng quy định, chưa đủ số của các cấp; vị trí công khai chưa thuận tiện cho việc tra cứu vẫn còn có xã niêm yết đường dây nóng, Email, lịch làm việc ở trong phòng của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc ở nơi khó nhìn, khó thấy tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

#### 2.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Đánh giá cải cách Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước dựa trên cơ sở 5 tiêu chí và 8 TCTP, tổng điểm tối đa của khối huyện là 4,0 điểm, khối sở là 5,75 điểm về: Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các bộ ngành, UBND tỉnh về tổ chức bộ máy; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan và các đơn vị trực thuộc; kiểm tra tổ chức, hoạt động của cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc và thực hiện phân cấp quản lý.

Kết quả năm 2018, cả 2 khối đều bị thấp hơn so với năm 2017. Điểm trung bình của khối sở đạt 4,87 điểm (giảm 11,89%), điểm trung bình của khối huyện đạt 3,36 điểm (giảm 16%). Lý do chính là: Khối huyện, đa số các huyện đều chưa ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện (*chỉ có huyện Trực Ninh, Nam Trực ban hành đầy đủ, huyện Nghĩa Hưng ban hành được 02 đơn vị, huyện Hải Hậu và huyện Ý Yên trong báo cáo có 01 đơn vị nhưng không có tài liệu kiểm chứng*). Khối sở: 100% đơn vị là có số lượng nhân viên nhỏ hơn số lượng lãnh đạo cấp phòng.

Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã tuân thủ, thực hiện nghiêm các quyết định của UBND tỉnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định về

phân công, phân cấp quản lý của UBND tỉnh; ngoài việc tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyết định của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị còn tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Tuy nhiên còn số đơn vị có sử dụng Lao động hợp đồng làm công tác chuyên môn nghiệp vụ như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ.

## 2.5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, VC

Đánh giá việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức dựa trên cơ sở 6 tiêu chí và 15 TCTP, tổng điểm tối đa đối với khối sở là 10,75 điểm và đối với khối huyện là 11,75 điểm về: Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tuyển dụng, công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế trong năm và đạt chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Kết quả, chỉ số trung bình: Khối sở đạt 91,85%, (giảm 7,56%); khối huyện đạt 79,49% (giảm 18,29%), lý do:

- + Năm 2018, 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập đã xây dựng Đề án vị trí việc làm; UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho 100% các cơ quan hành chính nhà nước nhưng chưa có đơn vị sự nghiệp nào được phê duyệt VTVL.

- + Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, các đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng báo cáo UBND tỉnh quyết định tổ chức thi tuyển, xét tuyển theo quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được các cấp, các ngành quan tâm, cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao trình độ và đã nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các ngành, các cấp đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

- + Khối huyện có 9/10 đơn vị có công chức, viên chức vi phạm kỷ luật (huyện Trục Ninh không có công chức viên chức vi phạm).

- + Khối sở còn có một số đơn vị sử dụng lao động hợp đồng làm công tác chuyên môn nghiệp vụ.

## 2.6. Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

Đánh giá lĩnh vực 6 dựa trên cơ sở 3 tiêu chí, tổng điểm tối đa đối với khối sở là 2 điểm, đối với khối huyện là 3 điểm về: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập và các xã, phường, thị trấn.

Hàng năm, UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng các nghị định, quyết định của Chính phủ v/v ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước và quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ,

biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Kết quả chung của cả 2 khối đều đạt 100%.

## 2.7. Hiện đại hóa hành chính

Đánh giá hiện đại hóa hành chính dựa trên cơ sở 5 tiêu chí, 12 TCTP, tổng điểm tối đa đối với khối huyện là 13 điểm, khối sở là 13,50.

Năm 2018, việc phân định các tiêu chí, TCTP rõ nét hơn, phân chia các mức độ cụ thể hơn. Kết quả điểm và chỉ số của cả 2 khối đạt được đều tăng. Chỉ số trung bình so với năm 2017 của khối sở đạt 70,73% (tăng 4,56%), khối huyện đạt 61,88% (tăng 14,88%).

Các đơn vị đã trang bị đủ máy tính, kết nối mạng cho công chức làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin, tuy nhiên chất lượng giải quyết công việc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc trao đổi công việc, văn bản qua thư điện tử công vụ còn hạn chế. Việc cập nhật, đăng tải văn bản, thông tin, công khai các TTHC và viết bài chưa thường xuyên, khai thác thông tin còn hạn chế; thông báo lịch họp, mời họp, nhận, gửi văn bản điện tử chưa được thực hiện thường xuyên, chưa thông suốt đến cấp xã. Thông qua kết quả nêu trên thể hiện hầu hết cơ quan, đơn vị mới chỉ bước đầu tiếp cận vấn đề hiện đại hóa nền hành chính.

Tất cả các cơ quan, đơn vị đã xây dựng, áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO, tuy nhiên còn nhiều đơn vị đang áp dụng Hệ thống QLCL theo phiên bản năm 2000; việc duy trì đã được các đơn vị quan tâm thực hiện, tuy nhiên còn một số đơn vị không thực hiện nâng cấp để phủ hết chức năng, nhiệm vụ và 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; đến nay, có 13 xã, phường, TT đã và đang áp dụng Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2008. Trong năm 2018, Sở Khoa học và Công nghệ đang giúp đỡ 7 xã xây dựng và áp dụng nâng tổng số xã, phường, TT trong tỉnh lên 20 đơn vị áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO.

## 2.8. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Đánh giá lĩnh vực 8 dựa trên cơ sở 7 tiêu chí, 12 TCTP, tổng điểm tối đa của khối sở là 12 điểm và của khối huyện là 11,25 điểm về: Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; vận hành phần mềm trên trang Hành chính công; kết quả giải quyết TTHC; điều kiện về cơ sở vật chất của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và đơn vị trực thuộc.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh 100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã thực hiện cơ chế một cửa; thực hiện cơ chế một cửa liên thông chỉ có 2 cơ quan là Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tư pháp; các cơ quan, Sở Thông tin và Truyền thông đã khai trương và đi vào hoạt động Công cung cấp dịch vụ công tỉnh Nam Định; các đơn vị chưa tích cực, chưa chủ động đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa liên thông, do vậy kết quả và hiệu quả của việc thực hiện chưa cao.

Kết quả điểm trung bình của khối sở giảm 11,25%, khối huyện giảm 5,59% lý do:

- + Phần lớn các đơn vị đều chưa xây dựng quy chế hoạt động của bộ phận một cửa theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP thay thế Quyết định số 09/2015/QĐ-Ttg về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

- + TTHC thực hiện liên thông trên địa bàn tỉnh quá ít (cấp tỉnh: 02 TT, cấp huyện: 0 TT, cấp xã: 01 TT).

- + Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đã xây dựng nhiều trong năm 2018 nhưng số lượng hồ sơ phát sinh chưa nhiều (Phần lớn các đơn vị không có hồ sơ phát sinh).

- + Dịch vụ Bưu chính công ích đã có phát sinh hồ sơ nhưng số lượng quá nhỏ so với số hồ sơ được giải quyết.

### **III. Nhận xét, đánh giá chung:**

Qua 6 năm thực hiện, việc xác định Chỉ số CCHC năm 2018 đã đi vào nề nếp, thực hiện có sự thống nhất, đồng bộ từ việc ban hành Bộ Chỉ số CCHC sửa đổi, bổ sung đến việc hướng dẫn, tập huấn cho Lãnh đạo, công chức chuyên trách CCHC và việc các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC, cung cấp tài liệu kiểm chứng, báo cáo UBND tỉnh. Công tác thẩm định thực hiện bài bản, thống nhất, khoa học đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng. Thông qua việc lượng hóa kết quả thực hiện công tác CCHC theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần, Chỉ số CCHC năm 2018 của tỉnh đã phản ánh khá toàn diện về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2018 theo từng lĩnh vực của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

#### **1. Ưu điểm:**

Năm 2018, Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, đặc biệt là Người đứng đầu đã quan tâm, quyết liệt và có trách nhiệm trong việc xây dựng, triển khai và tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác CCHC đã cơ bản hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Việc tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị đã được tiến hành nghiêm túc, chính xác hơn, đã bám sát Bộ Chỉ số CCHC của tỉnh, Hướng dẫn của Sở Nội vụ và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ theo từng lĩnh vực, việc cung cấp tài liệu kiểm chứng đầy đủ, chính xác hơn. Công tác thẩm định được tổ chức thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, đảm bảo tính chính xác, công bằng dựa trên cơ sở Hướng dẫn, báo cáo tự chấm điểm của các đơn vị, tài liệu kiểm chứng, kết quả kiểm tra công tác CCHC và các kết quả kiểm tra chuyên ngành năm 2018.

#### **2. Tồn tại, hạn chế:**

Năm 2018, công tác CCHC chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, chưa có sáng kiến, cải tiến mang tính chất đột phá trong tổ chức thực hiện công tác CCHC và chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả CCHC đạt được chưa cao và còn có mặt còn đạt quá thấp so với mục tiêu, kế hoạch đề ra về lĩnh vực Ứng dụng công nghệ thông tin trong: Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Việc tuyên



truyền để người thực hiện TTHC khai thác Dịch vụ bưu chính công ích chưa nhiều... Là năm thứ sáu thực hiện việc xác định Chỉ số CCHC, song vẫn còn có đơn vị nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về Chỉ số CCHC, từ đó dẫn đến việc tổ chức thực hiện tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC còn mang nặng định tính, ý chí chủ quan và cung cấp tài liệu kiểm chứng không chính xác, thiếu theo hướng dẫn.

Thông qua việc xác định chỉ số CCHC, đã bộc lộ những tồn tại, đó là: Còn có đơn vị chưa xác định rõ nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị từ việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm đến việc chưa xác định rõ nhiệm vụ phải làm và kết quả cụ thể phải đạt được; đề ra nhiệm vụ phải được gắn với trách nhiệm thực hiện của đơn vị cụ thể, thời gian phải hoàn thành và chưa bố trí đủ nguồn lực đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện; triển khai thực hiện kế hoạch song không tổ chức kiểm tra việc thực hiện tại các đơn vị trực thuộc nên đánh giá không thực tế về kết quả thực hiện, không thể kịp thời đề ra các giải pháp để đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC đạt kết quả. Công tác báo cáo CCHC và đánh giá từng lĩnh vực còn theo định tính một cách chung chung, không cụ thể đã hoàn thành bao nhiêu nhiệm vụ, hoàn thành bao nhiêu % so với kế hoạch đề ra đã gây không ít khó khăn cho việc thẩm định của Hội đồng.

UBND tỉnh thông báo Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Vụ Cải cải hành chính – BNV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TP;
- Wibste tỉnh, Wibase Sở Nội vụ;
- Lưu: VP1, VP8.

**Phạm Đình Nghị**